

Số: 1386/2025/QĐST-HNGĐ

Thành phố H, ngày 28 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 805/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn”, giữa:

* Nguyên đơn: Bà Phan Thị H1, sinh năm: 1978

Địa chỉ hiện tại: 590/2/1 P, Khu phố 26, phường H2, Thành phố H

* Bị đơn: Ông Hoàng Mạnh T, sinh năm: 1971

Địa chỉ hiện tại: 156 T1 25, Khu phố 58, Thành phố H

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 68, 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 107, 110, 116, 117, 118, 119 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 11 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Phan Thị H1 và ông Hoàng Mạnh T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị H1 và ông Hoàng Mạnh T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 72, quyển số 01 ngày 29/11/2008 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện V, Thành phố H3 không còn hiệu lực).

2.2. Về con chung: Bà Phan Thị H1 và ông Hoàng Mạnh T có với nhau 02 (một) con chung là Hoàng Phan Thủy T3 sinh ngày 08/10/2009 và Hoàng Phan Thủy T4 sinh ngày 12/12/2011.

Giao cho bà Phan Thị H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là trẻ Hoàng Phan Thủy T3 và Hoàng Phan Thủy T4.

Ông Hoàng Mạnh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên trẻ Hoàng Phan Thủy T3 là 3.000.000 (Ba triệu) đồng/ tháng cho đến khi trẻ Hoàng Phan Thủy T3 đủ tuổi trưởng thành.

Tạm hoãn việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với trẻ Hoàng Phan Thủy T4 cho ông Hoàng Mạnh T cho đến khi một hoặc hai bên có yêu cầu.

Kể từ ngày Toà án ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật và bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Vì lợi ích của con chung, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết, cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà Phan Thị H1 và ông Hoàng Mạnh T không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Án phí ly hôn là 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng, bà Phan Thị H1 tự nguyện chịu. Bà Phan Thị H1 đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0026214 ngày 14/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H nên được miễn trừ. Bà Phan Thị H1 đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Ông Hoàng Mạnh T phải chịu án phí cấp dưỡng là 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. H;
- VKSND Khu vực G – TP.H;
- Phòng Thi hành dân sự Khu vực G –TP.H;
- UBND xã X, huyện V, Thành phố H3 (nay là xã PH, Thành phố H3);
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị L1